

WEEKLY WRAP

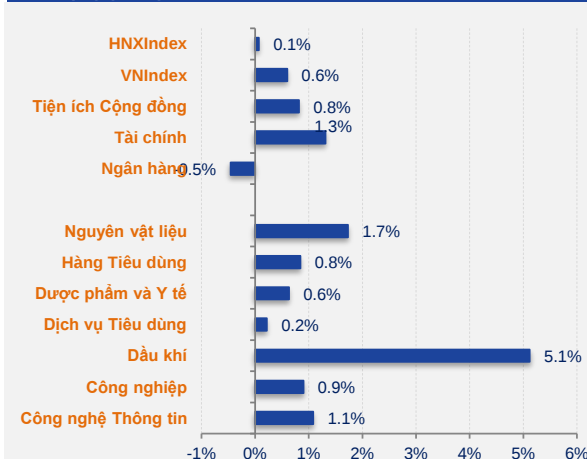
Tuần GD: 27/11/2023 - 1/12/2023

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,102.16	↑ 0.6%	226.26	↑ 0.1%
KLGD (trCP)	2,977.35	↓ -28.9%	398.50	↓ -29.2%
GTGD (tỷ VND)	65,290.68	↓ -28.9%	7,659.19	↓ -31.4%
Tổng cung (trCP)	7,291.17	↓ -19.0%	696.90	↓ -20.9%
Tổng cầu (trCP)	7,004.37	↓ -23.4%	631.85	↓ -18.8%

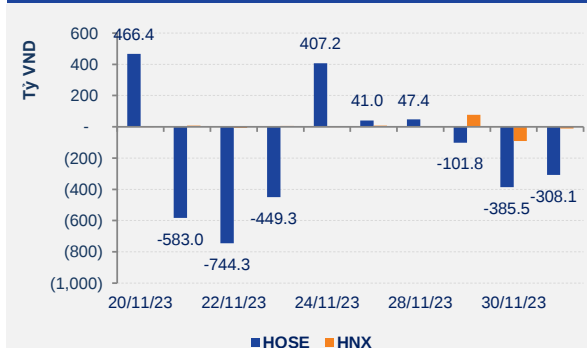
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	139.38	↓ -21.5%	7.47	↑ 218.3%
KL bán (trCP)	166.82	↓ -23.3%	7.52	↑ 188.6%
GT mua (tỷ VND)	4,306.10	↓ -17.4%	172.43	↑ 181.7%
GT bán (tỷ VND)	5,013.05	↓ -18.0%	184.12	↑ 225.6%

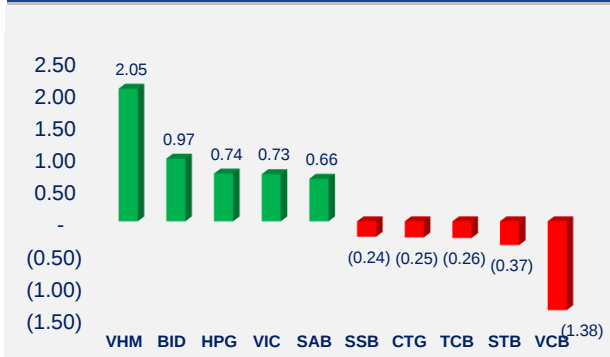
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Sau khi giảm điểm trước áp lực cơ cấu danh mục của quỹ ETF phiên cuối tháng 11/2023, VN-INDEX đã có phiên giao dịch đầu tháng 12/2023 khá tích cực khi đầu phiên chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá 1.090 điểm với thanh khoản ở mức rất thấp, thể hiện áp lực bán không mạnh và phục hồi với thanh khoản cải thiện tốt. Qua đó VN-INDEX kết thúc tuần ở mức 1.102,16 điểm tăng nhẹ 0,60% so với tuần trước và vượt lên vùng giá tâm lý 1.100 điểm. VN-INDEX như vậy đã có 04 tuần liên tiếp tích lũy trong biên độ rất hẹp quanh vùng giá trung bình 1.100 điểm. HNX-INDEX có diễn biến tương tự tích lũy ở vùng giá trung bình quanh 225 điểm. Kết tuần HNX-INDEX ở mức 226,26 điểm tăng nhẹ 0,07% so tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE chỉ đạt 65.271,74 tỉ đồng, giảm mạnh 28,9% so với tuần trước, khối lượng giao dịch cũng giảm 28,9%, dưới mức trung bình thể hiện phần nào tâm lý thận trọng khi thị trường duy trì tích lũy kéo dài. Thanh khoản HNX giảm 31,4% với 7.659,19 tỉ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng khá mạnh trong tuần với giá trị 707,19 tỉ đồng trên HOSE, bán ròng trên HNX với giá trị 11,69 tỉ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: CPI tháng 11 tăng 3,46% so với tháng 12/2022 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%. Tính tới 15/11/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 587,68 tỷ USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước, xuất siêu ước 24,44 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,1 tỷ USD). Quốc hội thông qua việc áp thuế tối thiểu toàn cầu. Theo nghị quyết này, Việt Nam sẽ áp thuế tối thiểu toàn cầu từ 1.1.2024. Thuế suất sẽ áp dụng là 15% với các doanh nghiệp đa quốc gia có tổng doanh thu hợp nhất từ 750 triệu euro (khoảng 800 triệu USD) trở lên trong 2 năm của 4 năm liên tiếp. Các nhà đầu tư thuộc diện chịu thuế sẽ buộc phải nộp thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam.

Với thị trường chung duy trì tích lũy trong biên độ hẹp, thanh khoản ở mức thấp thì cũng không có nhiều điểm nhấn nổi bật, tuy vẫn có số ít mã tích cực vượt trội trong các nhóm ngành như nông nghiệp với HAG (+13,46%), DBC (+4,58%), LSS (+3,56%) ... thanh khoản đột biến, nhóm bất động sản khu công nghiệp như ITA (+7,48%), VGC (+6,15%), GVR (+3,07%)... cảng, vận tải biển với DVP (+10,00%), VOS (+8,70%), HAH (+6,77%)... bán lẻ với PET (+5,94%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản ngoài các cổ phiếu có diễn biến tích cực như SJS (+10,47%), NTL (+6,11%), VHM (+4,60%)... thì đa số chịu áp lực giảm điểm với LDG (-11,31%) giảm mạnh trước thông tin tiêu cực, TDC (-5,91%), L14 (-5,15%), CEO (-3,57%)...

Các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực trong tuần khi hầu hết giảm điểm, thanh khoản rất thấp, chưa thu hút dòng tiền tham gia như STB (-2,83%), EIB (-2,14%), NAB (-2,10%), VAB (1,49%)... ngoài BID (+1,72%), LPB (+0,99%), BVB (+0,96%)...

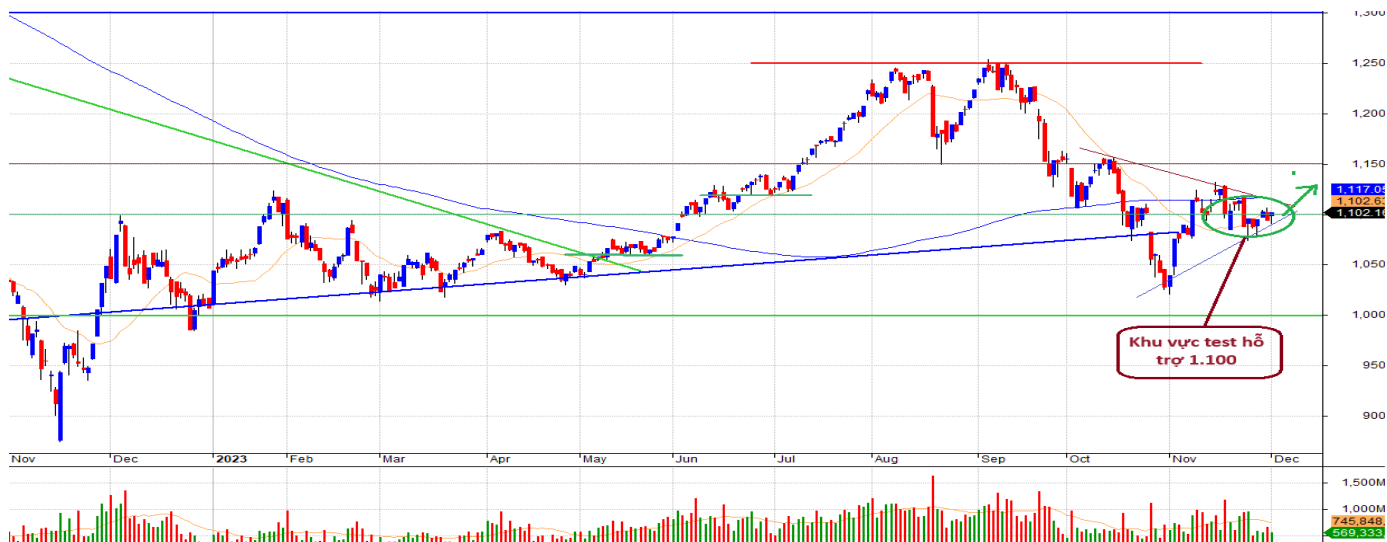
Các nhóm ngành khác không có nhiều diễn biến nổi bật trong tuần, kết thúc tuần đa số biến động trong biên độ hẹp, duy trì quá trình tích lũy với thanh khoản ở mức thấp.

Trên thị trường phái sinh kết thúc tuần kỳ hạn VN30F2312 ở mức 1.090,1 điểm tăng 0,47% so với tuần trước, chênh lệch âm -0,29 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch duy trì ở trung bình khi thị trường biến động-Xu hướng VN30F2312 vẫn tích lũy trong biên độ hẹp với vùng kháng cự quanh 1.105 điểm và hỗ trợ gần nhất 1.085 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -3,99 điểm đến -7,39 điểm, trong đó kỳ hạn VN30F2403 thấp hơn kỳ hạn VN30F2406, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan với VN30, có thể gia tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 27/11/2023 - 1/12/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Vn-Index vẫn đang trong khu vực kiểm định lại ngưỡng 1.100 điểm và đang có nhiều tín hiệu tích cực, với biên độ dao động khá chặt chẽ trong các phiên gần đây thì khả năng Vn-Index test thành công trong các phiên tới là khá cao. Chốt phiên VnIndex tăng +8,03 điểm (+0,73%) và đóng cửa ở 1.102,16 điểm và lấy lại mốc hỗ trợ 1.100 điểm ngay sau phiên vi phạm. Trạng thái vận động hiện tại cho thấy dao động của thị trường đang ổn định dần và hình thành nền tích lũy nhỏ có thể tạo nhịp tăng mới.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, đà hồi phục mạnh vừa qua đưa VnIndex thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy cũ, tuy nhiên như chúng tôi liên tiếp nhận định nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật bởi VnIndex đã đánh mất xu hướng uptrend và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Thị trường hiện vẫn đang chưa thể dứt hẳn ra khỏi mốc 1.100 điểm nhưng đang có nhiều tín hiệu khả quan, khả năng thị trường sẽ hình thành nhịp tăng mới là khá cao.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số VnIndex đang thoát khỏi trì kéo của nền tích lũy trung hạn nhưng vẫn chỉ là nhịp hồi phục kỹ thuật và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào, với trạng thái vận động ngắn hạn khá tích cực thì rất có khả năng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế và địa chính trị toàn cầu cũng còn nhiều yếu tố khó lường mặc dù các chỉ số lạm phát tại Mỹ, Châu Âu có dấu hiệu hạ nhiệt. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường có khả năng sớm hình thành khi VnIndex tăng điểm để lấy lại ngưỡng 1.100 điểm trong phiên hôm nay, trong ngắn hạn mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn cơ hội giải ngân vẫn xuất hiện nếu VnIndex duy trì giao dịch trên 1.100 điểm và thanh khoản dần cải thiện. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

27/11/2023

-

1/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BFC	24.15	21-22	26-27	21	10.8	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
VGC	55.20	49-51	60-62	48	17.9	8.1%	86.6%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.35	26.5-27.5	30-31	25	36.3	11.2%	546.3%	Theo dõi giải ngân
PVP	13.75	13-14	17.5-18.5	12	7.6	75.4%	-68.3%	Theo dõi giải ngân
PET	25.85	24.5-25.5	31-32	23	35.2	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	38.70	37-38	44-46	35	8.4	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.20	31-33	38-39	29	8.3	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.55	30.5-31.2	34-35	29	16.7	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.00	22.3	28-28.5	25	12.1%	Nắm giữ
11/1/2023	DTD	23.00	18.6	26-27	22	23.7%	Nắm giữ
11/8/2023	PVT	26.40	24.45	30-31	25	8.0%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	47.35	45.1	52-53	46	5.0%	Nắm giữ
22/8/2023	LSS	11.65	11.4	15-16	11	2.2%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Thu ngân sách nhà nước dự kiến "về đích" vào phút chót**

Lũy kế tổng thu ngân sách nhà nước 11 tháng năm 2023 ước đạt 1.537,6 nghìn tỷ đồng, bằng 94,9% dự toán năm. Theo tính toán, thu ngân sách nhà nước có thể hoàn thành dự toán vào phút chót nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro khi các khoản thu sụt giảm... Tổng cục Thống kê cho biết, thu ngân sách nhà nước 11 tháng năm 2023 ước giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, chi ngân sách nhà nước ước tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2022, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

PMI tháng 11 giảm còn 47,3 điểm, thấp nhất trong 5 tháng

S&P Global cũng cho biết sản lượng giảm nhanh hơn khi số lượng đơn đặt hàng mới giảm, việc làm và hoạt động mua hàng giảm trở lại, ngoài ra chi phí đầu vào tăng mạnh nhất kể từ tháng 2. Theo S&P Global, nhu cầu yếu khiến số lượng đơn đặt hàng mới của các nhà sản xuất Việt Nam giảm trở lại trong tháng 11, từ đó sản lượng đã giảm ở mức đáng kể hơn. Các công ty cũng cắt giảm việc làm và hoạt động mua hàng, đồng thời cũng tỏ ra ngần ngại trong việc tích trữ hàng tồn kho. PMI tháng 11 giảm xuống 47,3 điểm, thấp nhất trong 5 tháng. Kết quả này cho thấy các điều kiện kinh doanh trong ngành sản xuất đã giảm mạnh so với tháng trước, từ đó kéo dài thời kỳ giảm hiện nay thành 3 tháng.

Thêm hơn 3 tỷ USD vốn FDI 'rót' vào TP HCM

Theo số liệu của Cục Thống kê TP HCM, 11 tháng năm 2023, tính chung cả dự án cấp mới, điều chỉnh tăng vốn và góp vốn, mua cổ phần, mua lại cổ phần góp, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào thành phố đạt 3,0842 tỷ USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ. Cụ thể, về cấp mới có 1.090 dự án cấp phép mới, tăng 35,1% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 573,5 triệu USD tăng 20,1%. Trong số đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 462 dự án, vốn đăng ký là 218,9 triệu USD, chiếm 38,2% vốn đăng ký cấp mới. Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 269 dự án, vốn đăng ký 134,5 triệu USD, chiếm 23,5%. Hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 17 dự án, vốn đăng ký là 67,2 triệu USD, chiếm 11,7%. Hoạt động xây dựng với 8 dự án, vốn đăng ký là 54,5 triệu USD, chiếm 9,5%.

Phó thủ tướng yêu cầu các ngân hàng đẩy nhanh vốn ra nền kinh tế

Ngân hàng Nhà nước cần điều hành tín dụng linh hoạt hơn, các nhà băng chủ động giải ngân khi doanh nghiệp có nhu cầu, theo yêu cầu của Phó thủ tướng Lê Minh Khái. Yêu cầu này được Phó thủ tướng Lê Minh Khái nêu tại cuộc họp về điều hành tăng trưởng tín dụng, chiều 30/11. Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước, đến 23/11, dư nợ tín dụng tăng gần 8,4% so với cuối năm 2022. Mức này chỉ bằng gần 60% so với kế hoạch cả năm nay (14,5%). Như vậy, dư địa tăng tín dụng tháng cuối năm còn 6,2%, tương đương 735.000 tỷ đồng.

TIN DOANH NGHIỆP

Gặp nhiều khó khăn, công ty khí của Petrolimex giảm kế hoạch lợi nhuận

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (HOSE: PGC) thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. PGC dự kiến trình thông qua giảm chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua. Cụ thể, từ 168 tỷ đồng giảm về 135 tỷ đồng (giảm gần 20%). Tuy giảm mục tiêu lợi nhuận nhưng EPS của Doanh nghiệp vẫn đang ở mức 1,790 đồng/cp, được đánh giá ở mức khá. Do vậy, Doanh nghiệp vẫn giữ nguyên kế hoạch chi trả cổ tức tối thiểu 12% cho năm 2023.

T&T và CIENCO4 làm dự án thành phần 2 cảng hàng không Quảng Trị hơn 5.8 ngàn tỷ

UBND tỉnh Quảng Trị vừa công bố liên danh trúng thầu dự án thành phần 2 - xây dựng cảng hàng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Quảng Trị với tổng mức đầu tư hơn 5,821 tỷ đồng. Ngày 29/11, UBND tỉnh Quảng Trị công bố quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thành phần 2 - xây dựng cảng hàng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Quảng Trị theo phương thức đối tác công tư. Theo quyết định, nhà đầu tư trúng thầu là Liên danh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Giao thông T&T và CTCP Tập đoàn CIENCO4 (UPCoM: C4G). Dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư, hợp đồng xây dựng – kinh doanh - chuyển giao (BOT).

Cà phê vẫn “đắng” trong quý 3/2023

Lại thêm một kỳ kinh doanh mà các doanh nghiệp cà phê trên sàn chứng khoán lại tiếp tục ngâm vị “đắng”. Theo dữ liệu VietstockFinance ghi nhận từ BCTC quý 3/2023 của 5 doanh nghiệp cà phê trên sàn chứng khoán, tổng lỗ trong kỳ là hơn 6 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước cũng âm gần 3 tỷ đồng. Chỉ có duy nhất 1 doanh nghiệp có lãi trong quý 3, còn lại 4 doanh nghiệp đều thua lỗ. Sau 9 tháng, 5 doanh nghiệp lỗ ròng lên đến 17 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 13.1 tỷ đồng. Về sản lượng cà phê toàn cầu, USDA ước tính sản lượng có thể đạt hơn 174 triệu bao, tăng khoảng 3% so với niên vụ trước. Trong đó, sản lượng arabica dự kiến tăng 7%, lên 96 triệu bao; robusta dự kiến giảm 2%, về 78 triệu bao.

Giá cổ phiếu tiệm cận đỉnh lịch sử, VSH muốn tăng mức cổ tức lên 30%

HDQT CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (HOSE: VSH) thông báo triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua việc điều chỉnh kế hoạch cổ tức năm 2023 từ 20% lên 30%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 08/12/2023. Trước đó, vào ngày 30/03, ĐHĐCĐ thường niên của VSH đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 20% (2,000 đồng/cp), thấp hơn mức 30% năm 2022. Trong diễn biến mới nhất, HDQT VSH thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua việc điều chỉnh tăng cổ tức 2023 từ mức 20% lên 30% (3,000 đồng/cp), tương ứng tổng chi hơn 700 tỷ đồng. Thời gian thực hiện lấy ý kiến dự kiến trong tháng 12/2023.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	4,202,409	FUESSVFL	(11,430,300)
2	NKG	2,277,090	STB	(4,661,000)
3	EVF	2,034,002	FUEVFNVD	(3,881,160)
4	VPB	1,778,680	MWG	(3,331,310)
5	OCB	1,757,600	DXG	(3,025,385)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HUT	1,156,600	TIG	(516,300)
2	PVS	302,393	IDC	(454,411)
3	LAS	138,300	CEO	(212,052)
4	EVS	100,000	TNG	(158,184)
5	GIC	35,900	THD	(126,359)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	16.60	16.70	↑ 0.60%	149,819,300
HAG	10.40	11.80	↑ 13.46%	148,134,200
NVL	17.60	17.70	↑ 0.57%	131,373,300
VND	21.30	21.35	↑ 0.23%	109,969,900
HPG	26.40	26.90	↑ 1.89%	98,015,601

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.80	18.40	↑ 3.37%	120,934,034
CEO	22.40	21.60	↓ -3.57%	61,548,335
PVS	37.00	38.80	↑ 4.86%	29,089,451
MBS	21.50	21.70	↑ 0.93%	20,455,688
HUT	20.00	19.50	↓ -2.50%	19,280,171

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU1	6.53	8.53	2.0	↑ 30.63%
BTP	13.20	15.30	2.1	↑ 15.91%
VMD	16.70	19.00	2.3	↑ 13.77%
VAF	12.00	13.65	1.7	↑ 13.75%
HAG	10.40	11.80	1.4	↑ 13.46%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTD	5.60	8.00	2.4	↑ 42.86%
NAP	10.70	12.80	2.1	↑ 19.63%
VCM	14.40	16.60	2.2	↑ 15.28%
KHS	9.30	10.50	1.2	↑ 12.90%
TXM	4.90	5.50	0.6	↑ 12.24%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	45.50	37.00	-8.5	↓ -18.68%
LDG	3.89	3.45	-0.4	↓ -11.31%
CTG	29.60	26.30	-3.3	↓ -11.15%
BID	43.65	39.40	-4.3	↓ -9.74%
SVC	31.55	28.60	-3.0	↓ -9.35%

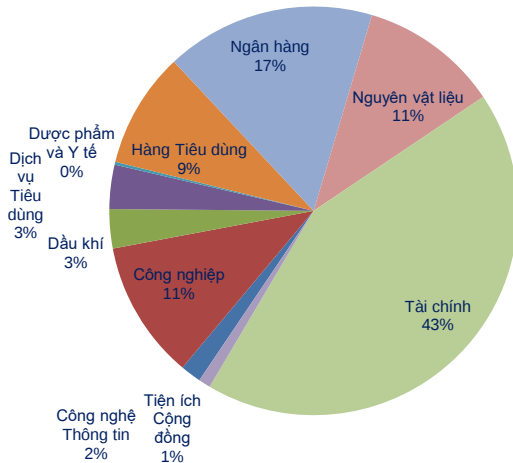
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCT	11.20	9.10	-2.1	↓ -18.75%
TA9	12.00	10.40	-1.6	↓ -13.33%
BAX	50.50	44.10	-6.4	↓ -12.67%
KDM	21.70	19.00	-2.7	↓ -12.44%
VNT	52.70	47.60	-5.1	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	149,819,300	8.2%	1,005	16.3	1.3
HAG	148,134,200	18.6%	1,070	10.4	2.0
NVL	131,373,300	-1.4%	-309	-	0.8
VND	109,969,900	7.8%	957	21.9	1.6
HPG	98,015,601	1.9%	322	82.5	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	120,934,034	5.4%	643	28.1	1.5
CEO	61,548,335	6.7%	955	22.6	1.8
PVS	29,089,451	6.7%	1,846	20.9	1.4
MBS	20,455,688	10.4%	1,104	19.4	1.9
HUT	19,280,171	0.8%	122	163.5	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HU1	↑ 30.6%	0.9%	144	55.3	0.5
BTP	↑ 15.9%	3.4%	709	20.2	0.7
VMD	↑ 13.8%	8.8%	2,375	7.5	0.7
VAF	↑ 13.8%	8.4%	1,061	12.9	1.1
HAG	↑ 13.5%	18.6%	1,070	10.4	2.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTD	↑ 42.9%	3.0%	567	12.9	0.4
NAP	↑ 19.6%	8.5%	942	13.6	1.2
VCM	↑ 15.3%	0.7%	148	104.7	0.7
KHS	↑ 12.9%	-5.4%	-963	-	0.7
TXM	↑ 12.2%	0.1%	18	283.5	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	4,202,409	18.6%	1,070	10.4	2.0
NKG	2,277,090	-4.8%	-975	-	1.1
EVF	2,034,002	9.0%	1,043	16.3	1.4
VPB	1,778,680	9.7%	1,501	12.7	1.0
OCB	1,757,600	16.9%	2,201	6.1	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	1,156,600	0.8%	122	163.5	1.6
PVS	302,393	6.7%	1,846	20.9	1.4
LAS	138,300	8.5%	1,018	12.7	1.1
EVS	100,000	5.9%	688	12.5	0.7
GIC	35,900	6.3%	1,246	11.8	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	473,396	22.6%	6,013	14.1	3.0
BID	196,524	17.6%	3,887	10.0	1.7
VHM	179,835	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	175,701	19.0%	5,283	14.5	2.8
VIC	159,232	2.7%	977	42.7	1.1

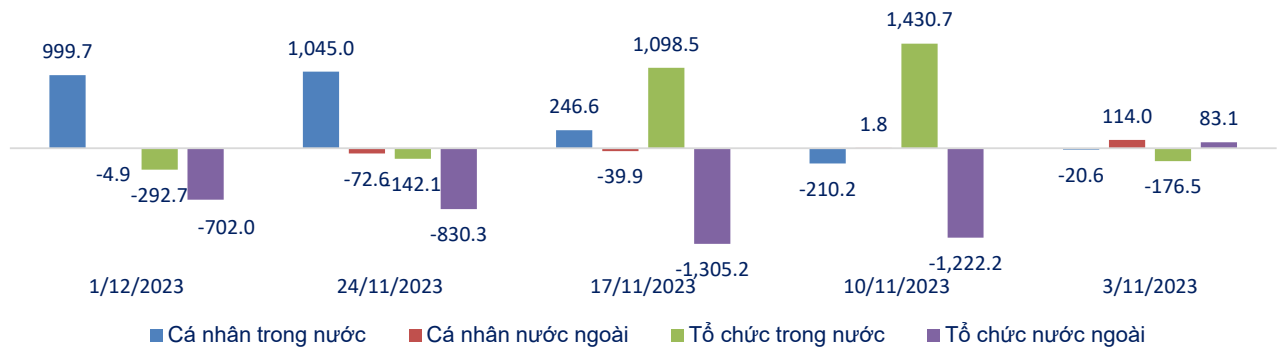
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,449	6.7%	1,846	20.9	1.4
HUT	17,761	0.8%	122	163.5	1.6
IDC	16,170	17.0%	3,177	15.4	2.9
SHS	14,718	5.4%	643	28.1	1.5
THD	13,398	2.9%	460	75.7	2.2



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	254.22	17.5%	3,825	7.2	1.2
EVF	233.38	9.0%	1,043	16.3	1.4
VNM	169.49	24.4%	4,029	16.7	4.1
PET	143.01	3.8%	733	33.0	1.2
MWG	134.82	3.0%	476	80.9	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-231.09	-1.4%	(309)	-	0.8
SRC	-216.13	1.7%	258	112.6	1.9
CTR	-90.83	29.0%	4,346	21.2	5.8
SAB	-76.62	16.5%	3,286	19.8	3.1
NLG	-65.68	4.8%	1,643	22.5	1.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	6.30	0.2%	37	577.8	1.2
HDB	4.19	20.7%	2,926	6.2	1.2
CTG	3.89	15.7%	3,773	7.0	1.0
STB	3.37	17.5%	3,825	7.2	1.2
VCG	3.33	2.8%	516	44.0	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-11.93	8.9%	1,346	23.3	2.1
DXG	-9.66	-2.0%	(456)	-	0.9
HPG	-9.46	1.9%	322	82.5	1.5
POM	-6.23	-47.5%	(3,857)	-	0.6
VPB	-4.53	9.7%	1,501	12.7	1.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	238.33	-1.4%	(309)	-	0.8
SRC	216.13	1.7%	258	112.6	1.9
FUESSVFL	203.38	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFVND	99.06	N/A	N/A	N/A	N/A
CTR	51.22	29.0%	4,346	21.2	5.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-267.97	9.0%	1,043	16.3	1.4
MSB	-142.95	17.2%	2,471	5.2	0.8
PET	-142.47	3.8%	733	33.0	1.2
STB	-124.90	17.5%	3,825	7.2	1.2
EIB	-124.22	8.3%	1,013	18.0	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	107.16	29.7%	9,010	10.5	2.9
HPG	56.24	1.9%	322	82.5	1.5
PLX	53.98	11.9%	2,628	13.4	1.6
SAB	51.69	16.5%	3,286	19.8	3.1
NKG	50.70	-4.8%	(975)	-	1.1

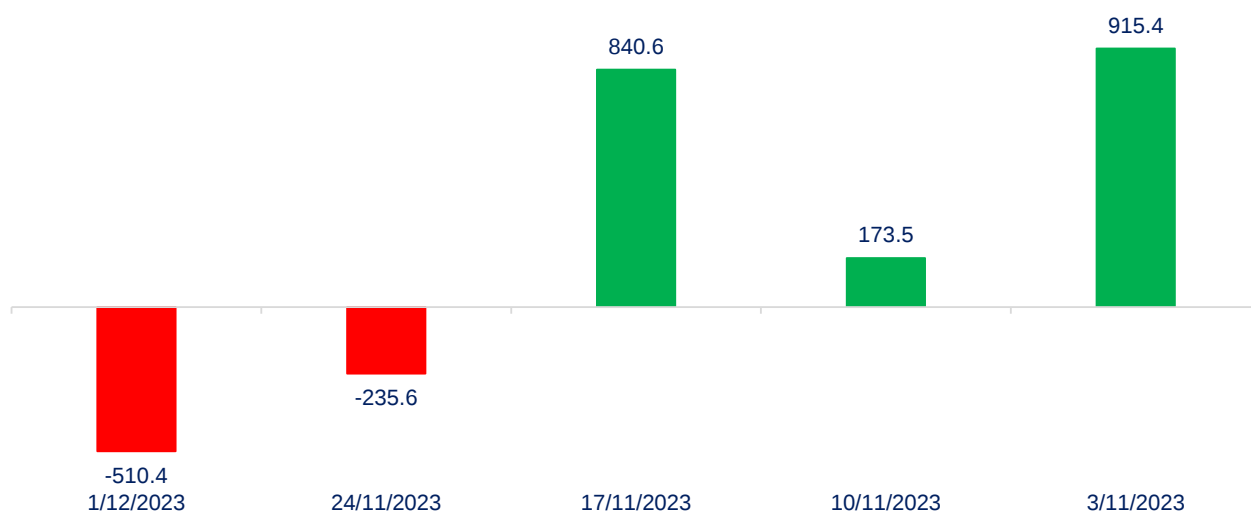
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	-203.50	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-161.54	24.4%	4,029	16.7	4.1
MSN	-139.91	2.2%	572	105.7	2.3
STB	-132.69	17.5%	3,825	7.2	1.2
MWG	-131.91	3.0%	476	80.9	2.4

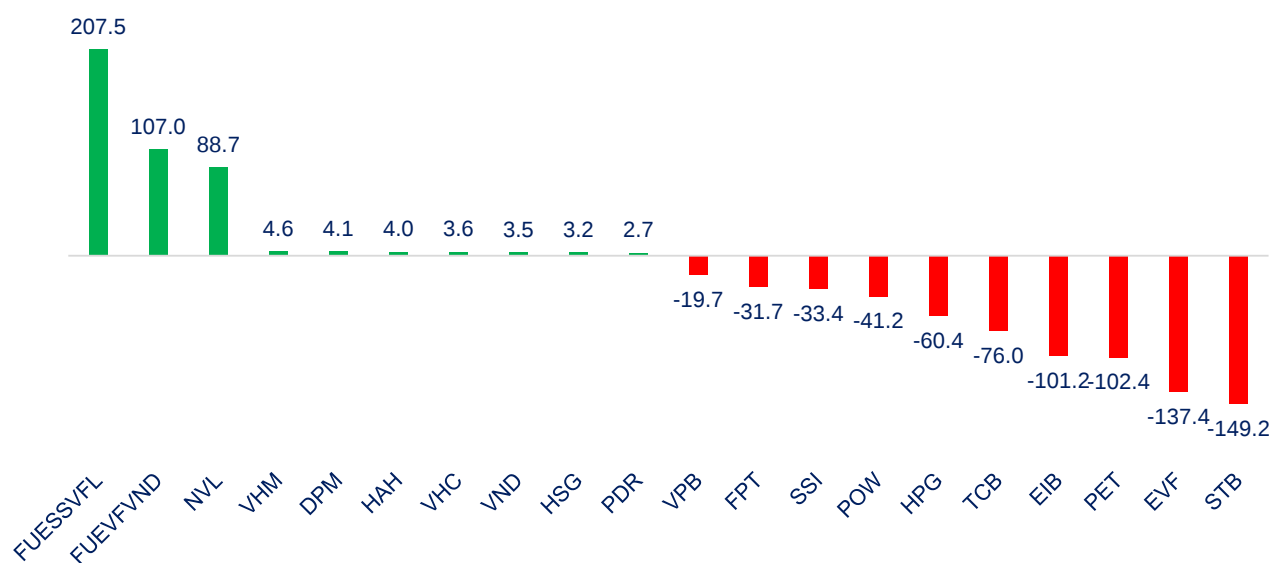


GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
19/10/2023	1/12/2023	3/11/2023	2/11/2023	FDC	Đại hội Cổ đông Bất thường
23/10/2023	1/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	HEP	Đại hội Cổ đông Bất thường
3/11/2023	1/12/2023	13/11/2023	10/11/2023	PRE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/11/2023	1/12/2023	27/11/2023	24/11/2023	BLW	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
13/11/2023	1/12/2023	27/11/2023	24/11/2023	CMW	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9/11/2023	1/12/2023	22/11/2023	21/11/2023	PTH	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
20/11/2023	1/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	BHA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/10/2023	4/12/2023	31/10/2023	30/10/2023	VPD	Đại hội Cổ đông Bất thường
7/11/2023	4/12/2023	16/11/2023	15/11/2023	PGC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
24/11/2023	4/12/2023	4/12/2023	1/12/2023	VPI	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
23/11/2023	4/12/2023	28/11/2023	27/11/2023	VJC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
26/10/2023	5/12/2023	6/11/2023	3/11/2023	HNA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/11/2023	5/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	SCL	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/11/2023	5/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	CJC	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
10/11/2023	5/12/2023	1/12/2023	1/12/2023	MCD	Tạm dừng Niêm yết
15/11/2023	5/12/2023	6/12/2023	5/12/2023	CMG	Phát hành cổ phiếu
15/11/2023	5/12/2023	6/12/2023	5/12/2023	CMG	Phát hành cổ phiếu
24/11/2023	5/12/2023	1/12/2023	1/12/2023	BLF	Tạm dừng Niêm yết
25/10/2023	6/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	ADP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/10/2023	7/12/2023	10/11/2023	9/11/2023	CPA	Đại hội Cổ đông Bất thường
30/10/2023	7/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	MTA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/11/2023	7/12/2023	1/12/2023	1/12/2023	PTN	Tạm dừng Niêm yết
2/11/2023	8/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	GVR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	LMI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	KTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/11/2023	8/12/2023	27/11/2023	24/11/2023	TMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	MAC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	MAC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	GLT	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn